

Số: 3312/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 26 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số
và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1014/QĐ-TTg ngày 14/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Công văn số 647/BDT-CSĐT ngày 29/9/2020 và Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh tại Tờ trình số 2327/TTr-SNV ngày 12/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh), gồm các thành viên theo danh sách đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chỉ đạo tỉnh

1. Ban Chỉ đạo tỉnh có chức năng giúp UBND tỉnh chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc liên quan đến quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các giải pháp để đạt được mục tiêu của Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội

vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2030 (Đề án tỉnh) và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2030 (Chương trình tỉnh).

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chỉ đạo tỉnh

a) Đề xuất, tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách có liên quan để thực hiện hiệu quả Chương trình và các nhiệm vụ, giải pháp khác của Đề án trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng kế hoạch 5 năm, hằng năm về mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp và nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình và các nhiệm vụ, giải pháp khác của Đề án trên địa bàn tỉnh.

c) Giúp UBND tỉnh điều phối hoạt động giữa các Sở, Ban, ngành tỉnh và các địa phương trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình và các nhiệm vụ, giải pháp khác của Đề án.

d) Giúp UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, Ban, ngành tỉnh và các địa phương trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án, kế hoạch nội dung Chương trình và các nhiệm vụ, giải pháp khác của Đề án trên địa bàn tỉnh.

đ) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương, tỉnh, ngành có liên quan đến Chương trình và các nhiệm vụ, giải pháp khác của Đề án trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết, khen thưởng trong quá trình thực hiện.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo Trung ương.

Điều 3. Hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh

1. Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Trong trường hợp có sự thay đổi lãnh đạo tham gia Ban Chỉ đạo tỉnh thì các Sở, ban, ngành có liên quan có văn bản báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, tổng hợp trình UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung.

3. Giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh có Tổ giúp việc do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị là thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh cử.

a) Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh quyết định thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh.

b) Các thành viên Tổ giúp việc hoạt động theo Quy chế được Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành.

4. Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh sử dụng con dấu của UBND tỉnh, các Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo sử dụng con dấu của cơ quan công tác khi ký, đóng dấu các văn bản của Ban Chỉ đạo tỉnh.

Điều 4. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh và Tổ giúp việc.

- Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh và Tổ giúp việc do ngân sách Nhà nước đảm bảo, được bố trí trong ngân sách chi thường xuyên của các Sở, Ban, ngành có liên quan.

- Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh và Tổ giúp việc được sử dụng để chi cho các hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh và Tổ giúp việc theo quy định hiện hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, Đoàn thể của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện có liên quan, các thành viên của Ban Chỉ đạo tỉnh nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBNDTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, TH, KTN, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh



DANH SÁCH

**Thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số
và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2030**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2020 của UBND tỉnh)

1. Ông Hồ Quang Bửu, Phó Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng Ban.
2. Ông A Lăng Mai, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh - Phó Trưởng Ban Thường trực.
3. Ông Trần Văn Ân, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư - Phó Trưởng Ban.
4. Đại diện lãnh đạo Sở Tài chính – Thành viên.
5. Đại diện lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh – Thành viên.
6. Đại diện lãnh đạo Sở Công Thương – Thành viên.
7. Đại diện lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch – Thành viên.
8. Đại diện lãnh đạo Sở Y tế – Thành viên.
9. Đại diện lãnh đạo Sở Nội vụ – Thành viên.
10. Đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Thành viên.
11. Đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp – Thành viên.
12. Đại diện lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông – Thành viên.
13. Đại diện lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội – Thành viên.
14. Đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ – Thành viên.
15. Đại diện lãnh đạo Sở Giao thông vận tải – Thành viên.
16. Đại diện lãnh đạo Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh – Thành viên.
17. Đại diện lãnh đạo Sở Xây dựng – Thành viên.
18. Đại diện lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo – Thành viên.
19. Đại diện lãnh đạo Kho bạc Nhà nước tỉnh – Thành viên.
20. Đại diện lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường – Thành viên.
21. Đại diện lãnh đạo Công an tỉnh – Thành viên.
22. Mời đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh – Thành viên.
23. Mời đại diện lãnh đạo Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh – Thành viên.
24. Mời đại diện lãnh đạo Liên minh Hợp tác xã tỉnh – Thành viên.
25. Mời đại diện lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh – Thành viên.
26. Mời đại diện lãnh đạo Hội Nông dân tỉnh – Thành viên.
27. Mời đại diện lãnh đạo Tỉnh đoàn – Thành viên.